

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo văn bản số 31/CV-HL ngày 05/6/2023 của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Hợp Lực về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà ở xã hội dành cho người thu nhập thấp tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa; Văn bản số 50/CV-HL ngày 18/9/2023 của Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Hợp Lực về việc chỉnh sửa hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường cho dự án đầu tư Nhà ở xã hội dành cho người thu nhập thấp tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1221/TTr-STNMT ngày 23 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Hợp Lực, địa chỉ tại Số 29 đường Đoàn Thị Điểm, phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà ở xã hội dành cho người thu nhập thấp tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Nhà ở xã hội dành cho người thu nhập thấp tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty TNHH hai thành viên trở lên có mã số doanh nghiệp 2800470953 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp lần đầu ngày 22/12/1993; cấp thay đổi lần thứ 12, ngày 30/3/2023.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 2800470953.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh: Kinh doanh bất động sản, nhà ở.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích đất toàn bộ khu vực dự án: 24.405,7 m².

- Công suất: 03 khối nhà chung cư 15 - 16 tầng (Nhà Chung cư CC1 có chiều cao 16 tầng, Nhà Chung cư CC2 và CC3 có chiều cao 15 tầng) với 900 căn hộ, tổng diện tích đất xây dựng 3.868m²; 60 căn nhà ở thương mại chi lô 03 - 05 tầng với diện tích đất xây dựng 4.902,7 m²; Khu phụ trợ khác: Khu nhà để xe, cây xanh, thể dục thể thao, trạm điện, trạm xử lý nước thải tập trung.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về quản lý nước thải và bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.1. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Hợp Lực:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Hợp Lực có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp

giảm thiểu mùi hôi, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, mùi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 05 tháng 10 năm 2023 đến ngày 05 tháng 10 năm 2033).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Hợp Lực (để t/hiện);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND thành phố Thanh Hóa (để theo dõi);
- UBND phường Quảng Thành (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà Chung cư CC1, bao gồm: Nước thải đại tiện, tiểu tiện, nước thải từ nhà bếp, nước thải tắm, giặt, có lưu lượng 145,2 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà Chung cư CC2, bao gồm: Nước thải đại tiện, tiểu tiện, nước thải từ nhà bếp, nước thải tắm, giặt, có lưu lượng 144,6 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà Chung cư CC3, bao gồm: Nước thải đại tiện, tiểu tiện, nước thải từ nhà bếp, nước thải tắm, giặt, có lưu lượng 144,6 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà ở thương mại thấp tầng, bao gồm: Nước thải đại tiện, tiểu tiện, nước thải từ nhà bếp, nước thải tắm, giặt, có lưu lượng 28,8 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 05: Nước phát sinh từ nước rỉ rác và vệ sinh khu tập kết rác thải sinh hoạt với lưu lượng 5,0 m³/ngày đêm

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Một (01) dòng nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đường ống D300 thoát ra cống thu gom nước thải của khu vực chạy dọc theo Đại lộ Võ Nguyên Giáp tại phía Nam dự án.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Mương thoát nước thải chung của khu vực chạy dọc theo Đại lộ Võ Nguyên Giáp tại phía Nam dự án về Trạm xử lý nước thải của thành phố Thanh Hóa tại phường Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa.

2.3. Vị trí xả thải:

Vị trí xả thải: Tại hố ga đầu nối vào mương thoát nước thải chung của khu vực trên đường Đại lộ Võ Nguyên Giáp.

Tọa độ điểm xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 3⁰) như sau: X = 2187744 (m); Y = 582299 (m).

2.4. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 468,2m³/ngày đêm (24 giờ)

2.4.1. Phương thức xả thải:

- Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của của dự án được thu gom qua đường ống D330 tự chảy ra Mương thoát nước thải chung của khu vực chạy dọc theo Đại lộ Võ Nguyên Giáp tại phía Nam dự án.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày

2.4.3. Chất lượng nước thải: Nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, hệ số K = 1,0), cụ thể như sau:

STT	Tên chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K = 1,0)
1	pH	-	5,0 – 9,0
2	BOD ₅	mg/l	50
3	TSS	mg/l	100
4	TDS	mg/l	1.000
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
6	Sunfua (theo H ₂ S)	mg/l	4,0
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (Tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10
11	Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải phát sinh được đưa về hệ thống xử lý:

- Nước thải vệ sinh sàn, tắm rửa, giặt giũ từ nguồn số 01, 02, 03, 04 → Đường ống PVC, DN (110 - 200) → Song chắn rác, hồ ga → Đường BTCT, PVC, DN (200 - 300) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải nhà ăn từ nguồn số 01, 02, 03, 04 → Các bể tách dầu mỡ → Đường ống PVC, DN (110 - 200) → Song chắn rác, hồ ga → Đường BTCT, PVC, DN (200 - 300) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải từ các nhà vệ sinh (hồ tiêu, hố tiểu) từ nguồn số 01, 02, 03, 04 → Đường ống PVC, DN (110 - 200) → Các bể tự hoại 03 ngăn → Đường ống PVC, BTCT, DN (200 - 300) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải phát sinh từ nguồn số 04 → Đường ống PVC, DN (110 - 200) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý nước thải của dự án.

- Bể tự hoại 03 ngăn của khu nhà ở Chung cư cao tầng: 06 bể, dung tích 108,5 m³/bể 01 bể; mỗi căn nhà Chung cư 02 bể.

- Bể tự hoại 03 ngăn của 60 căn nhà ở thương mại thấp tầng: 60 bể, dung tích (0,7 - 1,0) m³/bể.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất xử lý 480 m³/ngày đêm.

1.2.2. Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Nước thải vệ sinh sàn, tắm rửa, giặt giũ → Đường ống PVC, DN (110 - 200) → Song chắn rác, hồ ga → Đường BTCT, PVC, DN (200 - 300) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung 480m³/ngày đêm; nước thải từ nhà ăn → Các bể tách dầu mỡ → Đường ống PVC, DN (110 - 200) → Song chắn rác, hồ ga → Đường BTCT, PVC, DN (200 - 300) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung 480m³/ngày đêm; nước thải từ các nhà vệ sinh (hồ tiêu, hố tiêu) → Đường ống PVC, DN (110 - 200) → Các bể tự hoại 03 ngăn → Đường ống PVC, BTCT, DN (200 - 300) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung 480m³/ngày đêm.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung 480m³/ngày đêm: Nước thải sinh hoạt từ các nguồn sau khi được thu gom, xử lý sơ bộ → Hố thu, tách rác → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể màng MBR+ Bể chứa bùn → Bể rửa màng + Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 480 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Dung dịch Soda, polyme, Clorapmin B (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đầu tư xây dựng hệ thống Trạm xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý 480m³/ngày đêm, trong đó có dung tích các bể xử lý và thiết bị lắp đặt có thể tăng công suất xử lý thêm (20 - 30)% trong trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn xử lý nước thải phát sinh của toàn bộ dự án.

- Đầu tư xây dựng 01 bể sự cố dung tích 480 m³ bằng BTCT để chứa nước thải khi hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố. Bể có thiết kế hệ thống hai van cho 02 đường ống vào và đường ống ra.

- Lắp đặt máy bơm chìm nước thải có công suất (1,5 - 2,2)KW và đường ống

để có thể bơm nước thải từ bể sự cố về bể chứa nước đầu vào của Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành các hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số ô nhiễm trong nước thải, đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép mới được xả thải ra môi trường.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của các hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và xả nước thải sau xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung có sự cố hoặc nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục, dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục như sau:

- + Công nhân dừng vận hành hệ thống, đóng van để lưu giữ nước thải tạm thời trong các bể chứa của Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Bơm nước thải từ bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải về lưu giữ tại bể sự cố.

- + Tập trung nguồn lực khẩn trương tiến hành sửa chữa, thay thế thiết bị để khắc phục sự cố của Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Sau khi khắc phục xong sự cố, vận hành tăng công suất để đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục này trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận

- + Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng phải báo cáo với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường để được hướng dẫn thực hiện khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

- Thời gian vận hành thử nghiệm là 03 tháng (dự kiến từ tháng 10/2025).

- Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung.

- Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải tại bể điều hòa và mẫu nước thải tại bể khử trùng trước khi thải ra môi trường của Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.4.3. Phần A Phụ lục này).

- Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Trường hợp gây sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận hành, Công ty phải dừng ngay hoạt động vận hành và báo cáo kịp thời đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3.2. Thu gom triệt để nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án; vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định theo quy định tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có hoạt động xả nước thải ra môi trường dưới bất kỳ hình thức nào trong quá trình hoạt động.

3.4. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Mùi, khí thải từ hoạt động nấu ăn tại các căn hộ tại các tòa nhà chung cư CC1; CC2; CC3 và 60 căn hộ thương mại thấp tầng (nguồn không xác định).
- Nguồn số 02: Khí thải (mùi) của trạm xử lý nước thải tập trung (nguồn không xác định).
- Nguồn số 03: Khí thải (Mùi) từ khu vực tập kết tạm thời rác thải (nguồn không xác định).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với nguồn phát sinh số 01 (mùi khí thải từ ống thông hơi từ quạt hút mùi khu vực nhà bếp của các căn hộ của các tòa nhà chung cư CC1; CC2; CC3 và 60 căn hộ thương mại thấp tầng) được quạt hút đẩy qua ống thông hơi, ống thoát khí ra môi trường. Tọa độ đại diện vị trí xả thải: X = 2187588 (m); Y = 582515(m).
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thông hơi, thoát khí của thiết bị thu gom, xử lý khí thải (mùi) từ nguồn số 2 ra môi trường. Tọa độ đại diện vị trí xả khí thải: X= 2187490(m); Y= 581485(m).
- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với nguồn phát sinh số 3 (Mùi, khí thải từ khu vực tập kết tạm thời rác thải được xử lý bằng các chế phẩm sinh học): Tọa độ đại diện vị trí xả thải: X = 2187578 (m); Y = 582547(m).

(Theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^0 múi chiếu 3^0).

Các vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên dự án tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Chưa xác định lưu lượng.
- Dòng khí thải số 02: Chưa xác định lưu lượng.
- Dòng khí thải số 03: Chưa xác định lưu lượng.

2.2.1. Phương thức xả thải:

- Dòng khí thải số 01: Khí thải sau khi xử lý xả ra môi trường qua ống thông hơi, xả thải không thường xuyên chỉ phát sinh khi nấu ăn.
- Dòng khí thải số 02: Khí thải xả ra môi trường qua ống thông hơi từ thiết bị thu gom xử lý mùi của Hệ thống xử lý nước thải tập trung, xả liên tục 24/24.

- Dòng khí thải 03: Tự phát tán ra môi trường, phát tán liên tục 24/24 giờ.

2.2.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

- Dòng khí thải số 02: Chất lượng khí thải bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại phụ lục A, ban hành kèm theo Tiêu chuẩn Việt Nam – TCVN 7222:2002: Yêu cầu chung về môi trường đối với các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh:

- Khí thải (mùi) từ nguồn số 01 được thu gom qua quạt hút mùi, đường ống thoát khí DN(110 - 140) ra môi trường.

- Khí thải (mùi) từ nguồn số 02 được thu gom qua đường ống DN (90 - 140) sau đó thoát ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn phát sinh số 01: Được thu gom, xử lý qua màng than hoạt tính khử mùi, quạt hút ra môi trường.

- Nguồn phát sinh số 2: Được thu gom qua đường ống DN (90-140), sau đó thoát ra môi trường.

- Nguồn phát sinh số 03: Phát tán tự nhiên.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Quan trắc khí thải định kỳ: Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Vận hành hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng khí thải quy định tại mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Đối với mùi, khí thải từ các công trình thiết bị thu gom nước thải: Định kỳ bổ sung chế phẩm khử mùi đối với các bể phốt xử lý nước thải sinh hoạt; thường xuyên nạo vét, khơi thông cống rãnh thu gom nước thải, thoát nước mưa và định kỳ phun xịt chất khử trùng khu vực cống rãnh thoát nước trong khu dự án;

- Đối với mùi, khí thải từ quá trình thu gom, lưu giữ chất thải rắn: Yêu cầu các hộ gia đình sống trong tòa nhà thu gom, quản lý chất thải rắn đúng nơi quy

định; không bỏ rác bừa bãi ra khu vực xung quanh; rác thải sinh hoạt phát sinh được chuyển đi sau mỗi ngày và không để lưu trữ rác qua đêm tránh việc gây phát sinh mùi, ruồi bọ và nước rỉ rác ra môi trường; tại các kho tập kết rác ở tầng hầm thường xuyên quét dọn, phun xịt chất diệt khuẩn, khử mùi tránh phát sinh mùi hôi thối ra môi trường.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực máy phát điện dự phòng.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực máy khí nén, máy bơm và động cơ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh ồn, độ rung trong khuôn viên dự án tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, với tọa độ đại diện như sau:

- Vị trí tại nguồn số 1: X = 2187627(m); Y = 581566(m).

- Vị trí tại nguồn số 2: X = 2187490(m); Y = 581485(m).

(theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^0 múi chiều 3^0).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
	70	55	K	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

1.2. Trồng cây xanh xung quanh khu vực nhà chung cư nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	10	17 02 03
2	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ thải	Rắn	10	18 02 01
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	100	16 01 06
4	Thuỷ tinh, nhựa và gỗ thải có hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	50	11 02 01
5	Son, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	Rắn/Lỏng	50	16 01 09
6	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	50	19 06 01
Tổng số lượng			270	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	50.000
Tổng khối lượng		50.000

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải khác:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	1.400
Tổng khối lượng		1.400

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 240 lít/thùng và có ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Kho lưu chứa CTNH có diện tích 30m² được bố trí phía Tây Bắc khu đất của dự án; kho lưu chứa được đổ bê tông quét sơn chống thấm, tường xây gạch và được sơn chống thấm; mái bê tông, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng.

- Kho lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kì chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải lưu trong ngăn chứa bùn định kỳ thu gom về điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt (cạnh khu xử lý nước thải tập trung) và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý, tần suất 6 tháng/lần.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại các căn hộ, rác thải được phân loại, thu gom phân loại và lưu chứa tại các căn hộ bằng các thùng đựng rác bằng nhựa (màu xanh chứa rác dễ phân hủy, màu trắng chứa rác tái chế, màu vàng chứa rác có thể đốt).

- Tại các khu vực công cộng được trang bị 03 thùng chứa rác loại (50 - 100) lít có phân loại màu sắc khác nhau (màu xanh chứa rác dễ phân hủy, màu trắng chứa rác tái chế, màu vàng chứa rác có thể đốt).

- Toàn bộ rác thải được thu gom bằng các xe đẩy rác bằng tay dung tích 0,5 m³/xe.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 30m² được bố trí phía Tây Bắc khu đất.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được lát nền bằng gạch ceramic chống thấm, tường xây gạch cao khoảng 2,0 m và ốp bằng gạch ceramic; mái bê tông, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng.

- Khu vực tập kết chất thải sinh hoạt được phun khử mùi hằng ngày.

2.4. Chuyển giao chất thải

- Thực hiện quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt theo quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.
- Chỉ được chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố đối với nước thải,
2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.
3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Các hạng mục, công trình xây dựng của Dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường:

1.1. Các hạng mục, công trình xây dựng tiếp tục thực hiện:

Triển khai các hạng mục, công trình: Tiếp tục hoàn thiện tòa nhà chung cư CC1; Xây dựng mới 02 tòa nhà chung cư CC2, CC3 và 60 căn nhà ở thương mại thấp tầng; Khuôn viên cây xanh, sân đường nội bộ; Hệ thống cấp điện; Hệ thống cấp nước; Hệ thống PCCC; Hệ thống thu gom và thoát nước mưa; Hệ thống thoát nước thải.

1.2. Các công trình bảo vệ môi trường tiếp tục xây dựng:

1.2.1. Công trình, hệ thống xử lý nước thải.

- 04 bể tự hoại cho 02 tòa nhà chung cư CC2 và CC3; 60 bể tự hoại cho 60 căn nhà ở thương mại thấp tầng.

- 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Công suất thiết kế: 480 m³/ngày đêm.

- Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt từ các nguồn sau khi được thu gom, xử lý sơ bộ → Hồ thu, tách rác → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể màng MBR+ Bể chứa bùn → Bể rửa màng + Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường chủ dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường:

2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

2.1.1. Trong giai đoạn thi công:

- Đối với nước thải từ quá trình rửa tay chân được thu gom và xử lý bằng 01 hố lắng tạm ($V = 2,0 \text{ m}^3$), sau đó chảy ra mương thoát nước chung của khu vực.

- Đối với nước từ vệ sinh máy móc, thiết bị thu gom và xử lý bằng 01 bể lắng kết hợp tách dầu mỡ tạm có dung tích 02 m³. Nước thải sau khi lắng bỏ cặn và dầu mỡ sẽ được chảy ra mương thoát nước chung của khu vực.

- Đối với nước thải vệ sinh của công nhân thi công, Chủ dự án yêu cầu nhà thầu thi công thuê 01 nhà vệ sinh di động có bể tự hoại bằng Composit để thu gom, xử lý nước thải và định kỳ thuê đơn vị có chức năng về hút cặn bể phốt.

- Đối với nước thải sinh hoạt từ tòa nhà CC1 khi đưa vào sử dụng trước, khi vẫn thi công tòa nhà chung cư CC2, CC3 được thu gom, xử lý qua 02 bể tự hoại 3 ngăn dung tích 108,5m³/bể.

- Thường xuyên quét dọn để đảm bảo vệ sinh tại công trường, hạn chế tối đa các vật liệu rơi vãi.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét và khơi thông cống thải và hố ga đảm bảo không có các loại rác thải, đất đá cản trở dòng chảy.

2.1.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt của cư dân của các tòa nhà chung cư CC1, CC2, CC3 và 60 căn nhà ở thương mại thấp tầng: Nước thải nhà vệ sinh (hố tiêu, hố tiêu) của 03 tòa nhà chung cư xử lý sơ bộ qua 06 bể tự hoại 3 ngăn (dung tích 108,5/bể); của 60 căn nhà ở thương mại xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn của từng căn; nước thải từ tắm rửa, giặt giũ và ăn uống được tất cả được thu gom bằng đường ống PVC, BTCT, DN (110 - 300) về Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 480 m³/ngày đêm để xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1,0), trước khi được xả thải ra hệ thống mương, cống thoát nước thải hiện có của khu vực trên tuyến đường Đại lộ Võ Nguyên Giáp.

2.2. Về xử lý bụi, khí thải:

2.2.1. Trong giai đoạn thi công:

- Không sử dụng phương tiện giao thông và máy móc quá cũ để vận chuyển nguyên vật liệu thi công công trình;

- Không chuyên chở vượt tải trọng kiểm định;

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị trên công trường;

- Các phương tiện vận chuyển phải được phủ bạt công nghiệp nhằm tránh rơi rớt và phát tán bụi, bạt được phủ kín thùng xe và buộc chặt.

2.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Giảm thiểu mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên kiểm tra, nạo vét hệ thống xử lý nước thải, nắp đậy hố gas để giảm thiểu mùi hôi; trường hợp cần thiết sẽ bổ sung chế phẩm sinh học vào hệ thống xử lý nước thải để giảm mùi hôi; rác thải sinh hoạt tập kết được vận chuyển đi xử lý hàng ngày, hạn chế khả năng phân hủy rác thải gây mùi hôi và nước rỉ rác.

2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường

2.3.1. Trong giai đoạn thi công

- Bố trí đầy đủ thùng chứa rác (loại 30 - 60 lít) đặt tại khu vực lán trại công nhân để thu gom rác thải;

- Các loại chất thải rắn như bìa cattông, các mẫu sắt thừa,... thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Chất thải xây dựng gồm: Đất đá thải, gạch ngói vỡ, bê tông, xi măng, vữa trộn thừa... vận chuyển đến bãi thải theo quy định.

- Đất đào hố móng công trình tận dụng làm vật liệu nền các công trình xây dựng dự án.

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường khác thu gom và đem đến khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường tạm thời. Tại khu vực lưu giữ bố trí cá thùng, xe chứa rác thải lít để lưu giữ và phân loại chất thải, khu vực lưu giữ có mái che, quây xung quanh.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

2.3.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng đựng rác loại 120 - 240 lít/thùng, có nắp đậy tại khu vực lưu trữ; các thùng đựng rác loại 40 lít/thùng, có nắp đậy tại hành lang mỗi tầng, thực hiện phân loại rác đúng theo Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 03/2/2022 của UBND tỉnh về quy định chi tiết phân loại chất thải rắn sinh hoạt.

- Đối với chất thải rắn thông thường khác: Đối với bùn cặn phát sinh từ các bể tự hoại, hố ga, hệ thống xử lý nước thải tập trung định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng nạo hút, xử lý theo quy định 06 tháng/lần.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật.

2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại

2.4.1. Trong giai đoạn thi công:

- Bố trí các thùng chứa chuyên dụng 120 lít có nắp đậy kín đặt tại khu vực lân cận để thu gom.

- Lưu giữ tại khu vực có diện tích 3m², quây kín, có mái che, nền cao tránh nước mưa chảy tràn.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

2.4.2. Trong giai đoạn vận hành

- Bố trí các thùng chứa có dung tích 120 - 240 lít trong khu vực lưu chứa CTNH có diện tích 30 m² để lưu trữ, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

2.5.1. Trong giai đoạn thi công

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy hàn, cắt,... Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì gây ra ô nhiễm tiếng ồn lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công;

- Quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án;

- Các phương tiện vận chuyển hạn chế dừng còi trong khu đông người;

- Các xe vận chuyển nguyên liệu cho dự án không vận chuyển quá tải tránh ảnh hưởng đến tuyến đường;

- Phối hợp với địa phương về việc khai báo tạm trú, tạm vắng của cán bộ, công nhân viên tham gia thi công dự án.

2.5.2. Trong giai đoạn vận hành

- Thường xuyên kiểm tra các thiết bị máy móc vận hành dự án nếu phát hiện hư hỏng cần có biện pháp thay thế để đảm bảo quá trình vận hành tốt.

- Trồng cây xanh theo đúng quy hoạch đã được cơ quan nhà nước phê duyệt, diện tích cây xanh.

2.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

2.6.1. Trong giai đoạn thi công

- Sự cố về máy móc thiết bị: Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị tham gia thi công dự án.

- Sự cố ngập úng khu vực xung quanh: Thi công đúng tiến độ, đúng thiết kế xây dựng. Tránh làm rơi vãi các loại chất thải xuống hệ thống thoát nước làm tắc đường ống thoát nước của khu vực thực hiện dự án và khu vực xung quanh dự án.

- Sự cố tai nạn lao động: Trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân và lập quy tắc an toàn lao động

2.6.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Đối với Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- + Vận hành Hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành;

- + Các máy móc, thiết bị phải được kiểm tra theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật, đặc biệt là các thiết bị điện;

- + Tiến hành bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa khi có hỏng hóc.

- + Nước thải từ các bể ngoài cơ chế tự chảy ra thì tại mỗi một bể được tiến hành lắp đặt 02 bơm (bơm bùn và bơm nước thải) để bơm nước thải và bùn trong trường hợp tắc hoặc hư hỏng bơm;

- + Đầu tư xây dựng bể sự cố chứa nước thải đảm bảo dung tích 480m³/giờ để lưu giữ nước thải khi hệ thống có sự cố.

- + Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung có sự cố hoặc nước thải sau xử lý

không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục, dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục như sau: Công nhân dừng vận hành hệ thống, đóng van để lưu giữ nước thải tạm thời trong các bể chứa của Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Bơm nước thải từ bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải về lưu giữ tại bể sự cố. Tập trung nguồn lực khẩn trương tiến hành sửa chữa, thay thế thiết bị để khắc phục sự cố của Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Sau khi khắc phục xong sự cố, vận hành tăng công suất để đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục này trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận

- Đối với khu vực lưu giữ chất thải: Trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại

2.7. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

2.7.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

- Dự án có 1 công trình xử lý chất thải vận hành thử nghiệm: 01 Hệ thống xử lý nước thải tập trung và hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng

- Vị trí giám sát: Tại bể điều hòa chứa nước thải và bể chứa nước thải sau xử lý tại bể khử trùng trước khi xả thải ra môi trường của Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thông số giám sát Lưu lượng, pH, BOD₅, TSS, TDS, amoni, photphat, nitrat, sunfua, dầu mỡ động thực vật, coliform.

- Tần suất: Theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Số lượng mẫu: Theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1,0).

2.7.2. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

- Kiểm tra, giám sát việc phân loại, thu gom, lưu giữ và chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng để xử lý. Các điểm giám sát bao gồm: Kho lưu giữ chất thải rắn thông thường và kho lưu giữ chất thải nguy hại.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải

nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Thực hiện công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quyền, nghĩa vụ của chủ dự án đầu tư, cơ sở được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 47 của Luật BVMT năm 2020.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Kiểm soát hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

5. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B; K = 1,0). Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

6. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong khí thải bảo chất lượng khí thải của nguồn tiếp nhận (không khí xung quanh khu vực dự án) có giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm đáp ứng theo quy chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

7. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

9. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo xin giấy phép môi trường.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.